

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Dự án: “Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 228/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án: Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định các dự án “Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh; Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và*

*đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá”;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định dự án Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Báo cáo số 755/BC-HĐTD ngày 31/3/2023 và Tờ trình số 778/TTr-STTTT ngày 02/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt dự án Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ dự án).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án “Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Nhóm dự án:** Nhóm C.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.

**4. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật:** Trung tâm tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư CNTT – Cục Tin học hóa – Bộ Thông tin và Truyền thông (Tầng 20, Tòa nhà VNTA - Cục Viễn thông, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội).

**5. Mục tiêu đầu tư:**

Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng phần mềm quản lý hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cơ sở; thiết lập hệ thống cung cấp thông tin về hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh cho tất cả các ngành, địa phương, phục vụ công tác lập các đề án quy hoạch xây dựng; hỗ trợ điều hành trong xây dựng hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cơ sở, phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

**6. Quy mô, nội dung đầu tư:**

**6.1. Quy mô đầu tư:**

- Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đào tạo tập huấn cán bộ các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn sử dụng phần mềm.

## 6.2. Nội dung đầu tư:

Xây dựng thành công cơ sở dữ liệu hạ tầng bưu chính viễn thông ứng dụng công nghệ GIS nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý hạ tầng Bưu chính viễn thông trên bản đồ nền để quản lý toàn bộ thông tin của các đối tượng thuộc các lĩnh vực: Hạ tầng viễn thông, hạ tầng bưu chính, lĩnh vực hạ tầng phát thanh truyền hình và dịch vụ viễn thông.

*(Nội dung chi tiết theo Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án).*

## 7. Địa điểm đầu tư:

Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa – Tầng 6, tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, Đại lộ Nam Sông Mã - Phố Ái Sơn 2 - Phường Đông Hải - Thành phố Thanh Hóa.

## 8. Thiết kế chi tiết:

8.1. Giải pháp thiết kế cần tuân thủ: Thông số kỹ thuật áp dụng Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Thiết kế chi tiết dự án: theo Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế chi tiết dự án số 605/BC-STTTT ngày 16/3/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông và hồ sơ chi tiết dự án kèm theo Tờ trình số 778/TTr-STTTT ngày 02/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; Báo cáo thẩm định số 755/BC-HĐTĐ ngày 31/3/2023 của Hội đồng thẩm định dự án.

8.2. Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo: Không có.

**9. Tổng mức đầu tư: 2.199.036.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn).*

Trong đó:

+ Chi phí thiết bị:	1.888.729.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	35.035.923 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT:	89.703.890 đồng.
+ Chi phí khác:	97.605.336 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	87.961.423 đồng.

*(có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

**10. Nguồn vốn đầu tư:** Kinh phí công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

**11. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**12. Thời gian thực hiện:** Năm 2022-2023.**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Hội đồng thẩm định, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ thẩm định, trình phê duyệt dự án.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời kiểm tra việc triển khai thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Thành viên Hội đồng thẩm định (theo QĐ số 4173/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: “Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông  
và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHU CHÚ
<b>I</b>	<b>Chi phí xây lắp</b>	<b>Gxl</b>		-	-	-	
<b>II</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>Gtb</b>		<b>1.888.729.000</b>	-	<b>1.888.729.000</b>	
1	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT	Ghtkt		-	-	-	
2	Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu	Gpm		1.888.729.000	-	1.888.729.000	
2.1	Phần mềm Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông và truyền thanh cơ sở		Lập dự toán	1.876.549.000		1.876.549.000	Hướng dẫn lập dự toán phần mềm nội bộ theo công văn số 2589/BTTTT-UĐCNTT của Bộ TTTT
2.2	Chi phí đào tạo		Lập dự toán	12.180.000		12.180.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC; Thông tư 36/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>Gqlđa</b>	<b>1,855%<math>\times</math> Gpm</b>	<b>35.035.923</b>	-	<b>35.035.923</b>	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
1	Chi phí quản lý dự án (GTHQLDA)			35.035.923	-	35.035.923	
-	Chi phí quản lý dự án -		1,855% $\times$ Gpm	35.035.923		35.035.923	Theo Quyết định số

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHU CHÚ
	hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL						1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT</b>	<b>Gtv</b>		<b>81.548.988</b>	<b>8.154.899</b>	<b>89.703.890</b>	
1	Chi phí Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		3,640% $\times$ (Gtb)	68.749.736	6.874.974	75.624.709	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật		= 40% Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi + 70% Chi phí thẩm tra Thiết kế chi tiết + 70% Chi phí thẩm tra dự toán	3.331.718	333.172	3.664.890	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2.1	40% Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi			951.919	95.192	1.047.000	
-	40% Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi - Hạng mục phần mềm nội bộ và CSDL		0,126%* 40%*Gpm	951.919	95.192	1.047.000	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2.2	70% Chi phí thẩm tra thiết kế chi tiết			1.256.005	125.600	1.382.000	
-	70% Chi phí thẩm tra thiết kế chi tiết - Hạng mục phần mềm nội bộ và CSDL		0,095%* 70%*Gpm	1.256.005	125.600	1.382.000	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
2.3	70% Chi phí thẩm tra dự toán			1.123.794	112.379	1.236.000	

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHU CHÚ
-	70% Chi phí thẩm tra dự toán - Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu		0,085%*70% * Gpm	1.123.794	112.379	1.236.000	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu			7.649.352	764.935	8.414.288	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu - Hạng mục phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu		0,405%*Gpm	7.649.352	764.935	8.414.288	Theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ TTTT
4	Phí thẩm định hồ sơ mời thầu		0,05% x Gtb	909.091	90.909	1.000.000	Theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ (tối thiểu 1 triệu đồng)
5	Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		0,05% x Gtb	909.091	90.909	1.000.000	Theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ (tối thiểu 1 triệu đồng)
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gk</b>		<b>97.575.336</b>	<b>30.000</b>	<b>97.605.336</b>	
1	Chi phí kiểm thử phần mềm nội bộ		Lập theo văn bản 3787/BTTTT-THH	88.436.000	-	88.436.000	Dịch vụ phần mềm không chịu thuế theo thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của BTC
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành		0,57%*70%*G iá trị đề nghị quyết toán	8.421.519	-	8.421.519	Nghị định 99/2021/NĐ-CP.
3	Phí thẩm định dự án		0,019%*TMD T	417.817		417.817	Theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính
4	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống			300.000	30.000	330.000	Thông tư 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHU CHÚ
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	4% * (Gxl+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)	87.961.423		87.961.423	Theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT của Bộ TTTT Tối đa 5% với Báo cáo KTKT
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)</b>					<b>2.199.035.571</b>	
	<b>LÀM TRÒN</b>					<b>2.199.036.000</b>	

(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn).